TAND HUYỆN VĂN BÀN
TỈNH LÀO CAI

Bản án số: 07/2017/HNGĐ-ST.
Ngày: 12 - 9 - 2017.
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN BÀN, TỈNH LÀO CAI.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Triệu Vĩnh Thái

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Dũng Mạnh.

2. Bà Phạm Thị Lan Anh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Văn Nam - Thư ký Tòa án huyện Văn Bàn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn, Lào Cai *tham gia phiên toà:*

Bà Lê Thu Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 61/2017/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2017 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2017/QĐXX - ST ngày 25/8/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị C, sinh năm 1976.

Nơi ĐKHKTT: xã P, huyện B, tỉnh L.

Tạm trú: xã M, huyện V, tỉnh L - Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Trần Văn T, sinh năm 1973.

Nơi ĐKHKTT: xã P, huyện B, tỉnh L.

Tạm trú: xã M, huyện V, tỉnh L - Có mặt.

3. Người làm chứng:

3.1 - Bà Vũ Thị T, sinh năm 1971 - Có mặt.

Trú tại: thị trấn K, huyện V, tỉnh L.

3.2 - Bà Hoàng Thị L, sinh năm1979 - Vắng mặt.

Trú tại: xã M, huyện V, tỉnh L.

3.3 - Bà Trần Thị L, sinh năm 1980 - Vắng mặt.

Trú tại: xã M, huyện V, tỉnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn Bà Đỗ Thị C yêu cầu: Bà tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn với ông Trần Văn T vào tháng 12/1993. Sau khi đăng ký kết hôn Ông, Bà được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Sau khi cưới nhau Ông, Bà chung sống hạnh phúc, hòa thuận cho đến năm 2011 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là ông T thường xuyên ghen vô cớ với Bà. Năm 2005 ông T bị bệnh nặng, gia đình Bà đã phải bán nhà đi lo chữa trị bệnh cho chồng. Sau khi được chữa bệnh và ổn định sức khỏe do ở xã P khó khăn trong làm ăn kinh tế nên năm 2012 vợ chồng Ông, Bà quyết định lên xã M buôn bán làm ăn kinh tế. Công việc buôn bán của vợ chồng thuận lợi, thu nhập ổn định đủ lo cho cuộc sống gia đình và con cái. Gia đình tình cảm và kinh tế ổn định nhưng ông T không chịu khó làm ăn thường xuyên la cà uống rượu với bạn bè về nhà hay mắng chửi vợ con. Ngoài ra ông T còn luôn ghen vô cớ nhiều lần chửi và đánh Bà, năm 2013 có lần ông T đánh bà ngất xỉu phải đi bệnh viện điều trị. Bà đã cố gắng bỏ qua cho ông T nhiều lần nhưng ông T vẫn không thay đổi ngày càng uống nhiều rượu hơn, mắng chửi và thường xuyên ghen vô cớ làm cho không khí gia đình căng thẳng và khó khăn trong làm ăn kinh tế. Mâu thuẫn và tình cảm vợ chồng Bà đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng không giải quyết được. Nay Bà xác định tình cảm vợ chồng không còn mâu thuẫn trầm trọng tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nữa nên đề nghị Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn cho Bà được ly hôn với ông Trần Văn T để đảm bảo cuộc sống cho mình và yên tâm nuôi dậy con cái.

Về con: Trong thời gian chung sống Ông, Bà không ai có con riêng, mà có ba con chung cụ thể: Cháu thứ nhất là Trần Thị Thu T1 sinh ngày 05/12/1994, cháu thứ hai là Trần Thị Thu T2 sinh ngày 02/9/1996 hiện nay hai cháu đã trưởng thành và lập gia đình nên Bà không có đề nghị gì. Cháu thứ ba là Trần Văn C sinh ngày 10/01/2000 cháu bị khuyết tật tay, chân bên trái vận động khó khăn khi ly hôn Bà đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi cháu Cường và không yêu cầu ông Trần Văn T phải đóng góp tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà và ông Trần Văn T tự thỏa thuận không đề nghị Tòa án giải quyết; Trong thời gian chung sống Ông, Bà không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra Bà không có yêu cầu gì khác.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 19/6/2017 và tại phiên Tòa bị đơn ông Trần Văn T có ý kiến đối với yêu cầu của bà Đỗ Thị C như sau: Về quan hệ hôn nhân và thời gian đăng ký kết hôn như bà C trình bầy là đúng nhưng theo ông trong quá trình chung sống tình cảm vợ chồng ông vẫn bình thường sau khi kết hôn năm 2006 ông bị tai biến, năm 2010 ông ốm nặng phải thay van tim cơ học nhưng cuộc sống dù khó khăn vợ chồng ông vẫn vượt qua. Năm 2011 do gia đình có khó khăn về kinh tế thỉnh thoảng vợ chồng có cãi chửi nhau nhưng cũng chỉ là bình thường như các cặp vợ chồng khác. Năm 2012 vợ chồng ông, bà quyết định chuyển lên xã M, huyện V tạm trú để cùng làm ăn phát triển kinh tế gia đình công việc và thu nhập ổn định nhưng thỉnh thoảng vợ chồng cũng có cãi chửi nhau do không thống nhất trong làm ăn kinh tế. Đôi lúc bà C có những lời lẽ xúc phạm ông, ông đã khuyên

dăn nhiều lần nhưng bà C không thay đổi dẫn đến ông bất mãn nên hay uống rượu. Năm 2013 bà C có lần hỗn láo với ông nên ông có tát một cái nhưng không may bà C ngã vào ghế và bị ngất. Bắt đầu từ năm 2017 do công việc nên ông có giao lưu và uống rượu nhiều hơn dẫn đến bà C không thông cảm và vợ chồng hay cãi chửi nhau. Ông thấy mâu thuẫn vợ chồng bình thường như những cặp vợ chồng khác, tình cảm vợ chồng vẫn còn nên không nhất trí li hôn mà đề nghị vợ chồng đoàn tụ để cùng nuôi dậy con cái.

Về con: Ông xác nhận Ông và bà C có ba con chung như bà C trình bầy, nếu bà C nhất quyết ly hôn thì ông cũng nhất trí với yêu cầu nuôi con của bà C và không cấp dưỡng nuôi cháu Trần Văn C do hiện nay công việc của ông không ổn định, thu nhập chỉ đủ ăn.

Về tài sản chung: Nếu ly hôn Ông cũng nhất trí như yêu cầu của bà C, ông và bà C tự thỏa thuận không đề nghị Tòa án giải quyết; Trong thời gian chung sống Ông, Bà không vay ai tài sản gì và cũng không cho ai vay tài sản gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người làm chứng về phía bà Đỗ Thị C đều xác nhận: Từ năm 2016 ông Trần Văn T và bà Đỗ Thị C thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông T hay uống rượu dẫn đến chửi vợ, con và ghen vô cớ với bà C có lần còn đánh cả bà C làm ảnh hưởng đến cuộc sống gia đình và trật tự thôn xóm.

Ngày 19/6/2017 Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn ra thông báo yêu cầu ông Trần Văn T cung cấp chứng cứ chứng minh mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng vẫn còn nhưng hết thời hạn cung cấp chứng cứ mà ông T không cung cấp được.

Cháu Trần Văn C, sinh ngày 10/01/2000 có nguyện vọng nếu Bố, Mẹ ly hôn đề nghị được ở với Mẹ. Cháu C bị khuyết tật mức độ nặng nhưng không ảnh hưởng về nhận thức.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát có ý kiến:

1/ Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án đúng theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa tuân theo đúng quy định về việc xét xử vụ án theo quy định tại các Điều 239, 242, 243, 247, 249, 250, 251, 254, 260 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại các Điều 70, 71, 72, 77 Bộ luật tố tụng dân sự.

2/ Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị C, xử cho bà Đỗ Thị C được ly hôn với ông Trần Văn T.

- Về con chung: Giao cháu Trần Văn C, sinh ngày 10/01/2000 cho bà Đỗ Thị C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, ông Trần Văn T không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Về án phí: Buộc bà Đỗ Thị C phải chịu 300.000đ tiền án phí vụ án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tại phiên tòa xét thấy:

[1] Về áp dụng pháp luật: Bà Đỗ Thị C và ông Trần Văn T đăng ký HKTT tại: xã P, huyện B, nhưng bắt đầu từ năm 2012 ông, bà chuyển đến đăng ký tạm trú tại: xã M, huyện V để làm ăn và sinh sống. Như vậy Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị C và ông Trần Văn T ngày 01/12/1993 tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, tỉnh Lào Cai. Sau khi kết hôn Ông, Bà chung sống hòa thuận cho đến năm 2013 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do Ông, Bà bất đồng về quan điểm sống và làm ăn kinh tế. Ông T không chịu khó làm ăn hay la cà uống rượu về nhà thường xuyên mắng chửi vợ con và ghen vô cớ với bà C làm cho không khí gia đình luôn căng thẳng. Mặc dù hiện nay Ông, Bà vẫn sống chung với nhau nhưng chỉ vì nghĩa vụ và trách nhiệm chứ không còn tình cảm và quan tâm đến nhau nữa. Ông T xin đoàn tụ để vợ chồng cùng nuôi dậy con cái nhưng ông không có biện pháp gì để hàn gắn hạnh phúc gia đình của mình. Xét thấy hôn nhân của bà C, ông T lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu ly hôn của bà C là có căn cứ cần chấp nhận.

[3] Về trách nhiệm nuôi con: Trong thời gian chung sống bà Đỗ Thị C và ông Trần Văn T không ai có con riêng, có ba con chung cụ thể: Cháu thứ nhất là Trần Thị Thu T1 sinh ngày 05/12/1994, cháu thứ hai là Trần Thị Thu T2 sinh ngày 02/9/1996 hiện nay hai cháu đã trưởng thành có khả năng lao động và đã lập gia đình nên Ông, Bà không đề nghị Tòa án giải quyết. Cháu thứ ba là Trần Văn C sinh ngày 10/01/2000 cháu bị khuyết tật, mức độ nặng nhưng nhận thức bình thường, không có khả năng lao động, không có tài sản để tự nuôi mình, hiện được Ủy ban nhân dân huyện B trợ giúp thường xuyên 405.000đ/tháng. Bà C có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu C, cháu C có nguyện vọng được ở với Mẹ. Hiện bà C buôn bán có thu nhập từ 8.000.000đ đến 10.000.000đ một tháng, ông T cũng buôn bán thu nhập khoảng 3.000.000đ đến 3.500.000đ một tháng. Như vậy giao cháu C cho bà C nuôi dưỡng và ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp và đảm bảo được quyền lợi cho cháu Trần Văn C.

[4] Về tài sản: Bà Đỗ Thị C và ông Trần Văn T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết; Trong thời gian chung sống ông, bà không vay ai tài sản gì và cũng không cho ai vay tài sản nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Theo quy định của pháp luật nguyên đơn Bà Đỗ Thị C phải chịu toàn bộ án phí vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xử: Bà Đỗ Thị C được ly hôn với ông Trần Văn T.

2. Về con: Bà Đỗ Thị C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Trần Văn C sinh ngày 10/01/2000, ông Trần Văn T không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

3. Về án phí: Bà Đỗ Thị C phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2012/08078 ngày 16/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai. Bà Đỗ Thị C đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ông Trần Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Báo cho các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xét xử công khai kết thúc hồi 11 giờ 00 phút cùng ngày 12/9/2017.

Nơi nhận:
- *Tòa án nhân dân tỉnh;*
- *VKSND huyện;*
- *UBND nơi ĐKKH;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HS, VP.*

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Triệu Vĩnh Thái